



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

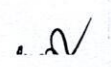
Mã số: QC.BM.025

Hà Nội, tháng 04/2026



MỤC LỤC

Chương I	NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1.	Phạm vi, đối tượng điều chỉnh	2
Điều 2.	Tài liệu liên quan	2
Điều 3.	Giải thích từ ngữ	3
Điều 4.	Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát	3
Điều 5.	Địa vị pháp lý của Ban Kiểm soát	3
Chương II	CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT	3
Điều 6.	Ban Kiểm soát	3
Điều 7.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát	4
Điều 8.	Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát	6
Điều 9.	Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát	7
Chương III	TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÃI NHIỆM, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 10.	Bầu thành viên Ban Kiểm soát	9
Điều 11.	Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Ban Kiểm soát	9
Điều 12.	Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	9
Điều 13.	Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ	10
Điều 14.	Đương nhiên mất tư cách	11
Điều 15.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm	11
Điều 16.	Thay thế thành viên Ban Kiểm soát	12
Điều 17.	Đình chỉ, tạm đình chỉ Thành viên Ban Kiểm soát	12
Điều 18.	Cung cấp, công bố công khai thông tin	13
Điều 19.	Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát	13
Chương IV	HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 20.	Chế độ báo cáo của Ban Kiểm soát	14
Điều 21.	Cuộc họp của Ban Kiểm soát	14
Điều 22.	Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát	16
Điều 23.	Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát	16
Điều 24.	Biên bản họp của Ban Kiểm soát	17
Chương V	QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	18
Điều 25.	Quyền được cung cấp thông tin	18
Điều 26.	Bảo mật thông tin	18
Điều 27.	Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát	19
Điều 28.	Khen thưởng và kỷ luật	21
Chương VI	ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	22
Điều 29.	Hiệu lực văn bản	22
Điều 30.	Tổ chức thực hiện	22

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

- 1.1 Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát NCB (sau đây gọi là Quy chế) quy định về cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của Ban Kiểm soát NCB.
- 1.2 Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống NCB, bao gồm thành viên Ban Kiểm soát, toàn bộ các cá nhân, đơn vị trực thuộc NCB có liên quan tương tác trong hoạt động của Ban Kiểm soát.

Điều 2. Tài liệu liên quan

2.1 Văn bản quy phạm pháp luật:

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Nơi ban hành	Ngày ban hành
1	Luật các tổ chức tín dụng	32/2024/QH15	Quốc Hội	18/01/2024
2	Luật Doanh nghiệp	59/2020/QH14	Quốc Hội	17/06/2020
3	Luật Chứng khoán	54/2019/QH14	Quốc Hội	26/11/2019
4	Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán	155/2020/NĐ-CP	Chính Phủ	31/12/2020
6	Thông tư 83/2025/TT-NHNN của Ngân hàng nhà nước quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng thương mại, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài	83/2025/TT-NHNN	NHNN	31/12/2025
7	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	116/2020/TT-BTC	Bộ Tài chính	31/12/2020
8	Các văn bản pháp luật khác có liên quan			

2.2 Văn bản nội bộ của NCB:

STT	Tên văn bản	Số hiệu văn bản	Mã văn bản
1	Điều lệ Ngân hàng TMCP Quốc Dân		
2	Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên NCB		

2.3 Trong văn bản này các văn bản, tài liệu tham chiếu sẽ bao gồm các văn bản sửa đổi, bổ sung có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

3.1 Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- NCB*: là Ngân hàng TMCP Quốc Dân;
- ĐHĐCĐ*: Đại Hội đồng cổ đông NCB;
- Ban Kiểm soát (BKS)*: là Ban Kiểm soát của NCB;
- Hội đồng Quản trị (HĐQT)*: là Hội đồng Quản trị của NCB;
- Luật các TCTD*: là Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ban hành ngày 18/01/2024 và các văn bản sửa đổi bổ sung;
- Điều lệ NCB*: là Điều lệ của NCB;
- NHNN*: là Ngân hàng Nhà nước.

3.2 Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ NCB.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

Điều 5. Địa vị pháp lý của Ban Kiểm soát


Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 6. Ban Kiểm soát

6.1 Ban Kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;



- 6.2 Ban Kiểm soát của NCB có tối thiểu 05 (năm) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu. Cơ cấu Ban Kiểm soát gồm có Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Trưởng Ban Kiểm soát (theo yêu cầu thực tế từng thời kỳ) và các thành viên khác theo quyết định của Ban Kiểm soát;
- 6.3 Ban Kiểm soát có Trung tâm kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình, cụ thể:
- a) Ban Kiểm soát có các bộ phận trực thuộc sau:
 - i. Trung tâm Kiểm toán nội bộ.
 - ii. Bộ phận giúp việc (gồm Trợ lý Trưởng Ban Kiểm soát và các chức danh khác do Ban Kiểm soát quy định trong từng thời kỳ).
 - b) Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Trung tâm Kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc do Ban Kiểm soát quy định.
- 6.4 Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc;
- 6.5 Trường hợp Ban Kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 6.2 Điều này, trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên tối thiểu, NCB phải bầu bổ sung, bảo đảm số lượng thành viên tối thiểu.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát

- 7.1 Giám sát hoạt động quản trị, điều hành NCB trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ của NCB và Quy chế này.
- 7.2 Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, quy định nội bộ của NCB về kế toán, báo cáo.
- 7.3 Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ.
- 7.4 Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của NCB; báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 7.5 Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của NCB thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- 7.6 Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các TCTD về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của NCB.
- 7.7 Kiểm tra sổ sách kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của NCB khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
- Theo Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật.
- Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.
- 7.8 Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện người quản lý, người điều hành NCB có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của NCB, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, nếu có (nếu có).
- 7.9 Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của NCB; cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
- 7.10 Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật các TCTD và Điều lệ của NCB.
- 7.11 Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của NCB.
- 7.12 Quyết định cơ cấu tổ chức, định biên nhân sự, nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm kiểm toán nội bộ, bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc Trung tâm kiểm toán nội bộ.
- 7.13 Kịp thời báo cáo Ngân hàng nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 7.6, khoản 7.8, khoản 7.11 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các TCTD.
- 7.14 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 7.15 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của NCB.
- 7.16 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của NCB.



- 7.17 Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 7.18 Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của NCB theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên
- 7.19 Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán NCB.
- 7.20 Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 7.21 Báo cáo Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 7.22 Phê duyệt báo cáo hằng năm về kiểm toán nội bộ theo quy định pháp luật.
- 7.23 Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông theo quy định tại Điều 27 Quy chế này.
- 7.24 Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của NCB.
- 7.25 Được tiếp cận và được cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành NCB theo quy định tại Điều 25 Quy chế này.
- 7.26 Có quyền sử dụng các nguồn lực của NCB để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- 7.27 Đề xuất sửa đổi, bổ sung cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, phù hợp với từng thời kỳ trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
- 7.28 Ban Kiểm soát của NCB thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan đến Kiểm toán nội bộ bao gồm:
- a) Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
 - b) Giám sát, đánh giá bộ phận kiểm toán nội bộ, Trưởng kiểm toán nội bộ trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát được thuê tổ chức bên ngoài có chuyên môn đánh giá chất lượng hoạt động của bộ phận kiểm toán nội bộ
- 7.29 Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của NCB.


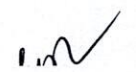
Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát

- 8.1 Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 7 Quy chế này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

- 8.2 Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát;
- 8.3 Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát;
- 8.4 Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ NCB hoặc các quy định của pháp luật hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường;
- 8.5 Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;
- 8.6 Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến đó khác với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông;
- 8.7 Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban Kiểm soát;
- 8.8 Bảo đảm các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét;
- 8.9 Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát;
- 8.10 Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;
- 8.11 Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- 8.12 Thực hiện công tác quy hoạch nhân sự, đề xuất, giới thiệu nhân sự cho các chức danh thành viên Ban Kiểm soát. Đánh giá kết quả công tác chuyên môn, ý thức chấp hành kỷ luật, rèn luyện phẩm chất đạo đức của các thành viên Ban Kiểm soát; có ý kiến đề xuất, kiến nghị các hình thức khen thưởng, kỷ luật đối với các thành viên Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm về những ý kiến, đánh giá đó;
- 8.13 Các nhiệm quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, theo điều lệ của NCB và theo Quy chế này.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

- 9.1 Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ NCB, quy định nội bộ của Ban Kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng Ban Kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của NCB và của Cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

- 9.2 Bầu một thành viên Ban Kiểm soát làm Trưởng Ban Kiểm soát và một thành viên Ban Kiểm soát làm Phó Trưởng Ban Kiểm soát (nếu có);
- 9.3 Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập Ban Kiểm soát họp bất thường;
- 9.4 Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục;
- 9.5 Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành NCB;
- 9.6 Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của NCB cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
- 9.7 Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của NCB và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình;
- 9.8 Tham dự cuộc họp của Ban Kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;
- 9.9 Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của NCB;
- 9.10 Trung thành với lợi ích của NCB và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của NCB để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- 9.11 Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 9.1, 9.9, 9.10 và khoản 9.18 Điều này mà gây thiệt hại cho NCB hoặc người khác thì thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho NCB;
- 9.12 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;
- 9.13 Được tham dự các cuộc họp chuyên đề, các lớp đào tạo nghiệp vụ và hội nghị sơ kết, tổng kết của NCB. Có quyền truy cập thông tin, kể cả thông tin điện tử về các hoạt động của NCB để thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao;
- 9.14 Được quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của NCB. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của NCB có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về những hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;
- 9.15 Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của NCB. Trường hợp che giấu hoặc

không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;

9.16 Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng Ban Kiểm soát phân công;

9.17 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, theo quy định Điều lệ NCB và quy định nội bộ khác của NCB.

Chương III

TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM, BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 10. Bầu thành viên Ban Kiểm soát

10.1 Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Trình tự, thủ tục bầu thành viên BKS thực hiện theo quy định tại Điều lệ NCB trong từng thời kỳ.

10.2 Danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm chức danh này.

10.3 Thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng Nhà nước.

Điều 11. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

11.1 Không thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 12 Quy chế này;

11.2 Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

11.3 Có trình độ từ Đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực Ngân hàng, Tài chính, Kế toán, Kiểm toán;

11.4 Không phải là người có liên quan của người quản lý NCB;

11.5 Trưởng Ban Kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

11.6 Các điều kiện khác theo quy định pháp luật có liên quan và Điều lệ NCB.

Điều 12. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những người sau đây không được là Thành viên Ban Kiểm soát:

12.1 Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

12.2 Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

12.3 Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

- 12.4 Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
- 12.5 Cán bộ, công chức, viên chức người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên, trừ những người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ;
- 12.6 Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;
- 12.7 Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng.
- 12.8 Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;
- 12.9 Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Thành viên khác của Hội đồng Quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của TCTD theo quy định tại Điều 47 Luật các TCTD hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc NCB bị thu hồi Giấy phép;
- 12.10 Người có liên quan của Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc NCB trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 69, Luật các TCTD;
- 12.12 Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc NCB, bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và Ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.
- 12.13 Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ, văn bản nội bộ khác của NCB.

Điều 13. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

- 13.1 Thành viên Ban Kiểm soát của NCB không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây (trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức

tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt):

- a) Người quản lý, người điều hành NCB, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của NCB hoặc công ty con của NCB;
- b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị NCB là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

13.2 Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ NCB.

Điều 14. Đương nhiên mất tư cách

14.1 Các trường hợp đương nhiên mất tư cách Thành viên Ban Kiểm soát:

- a) Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 12 Quy chế này.
- b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại.
- c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức.
- d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- e) Khi NCB bị thu hồi Giấy phép.
- f) Chết.
- g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và của Điều lệ NCB.

14.2 Sau khi đương nhiên mất tư cách, Thành viên Ban Kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 15. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

15.1 Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 14 Quy chế này, Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên khác của Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi Ban Kiểm soát của NCB.
- b) Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- c) Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 11 Quy chế này.
- d) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công theo đánh giá của Ban Kiểm soát
- e) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ NCB.
- f) Trường hợp khác theo các quy định của Pháp luật, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ NCB.

- 15.2 Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ của NCB.
- 15.3 Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 16. Thay thế thành viên Ban Kiểm soát

- 16.1 Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Trưởng Ban Kiểm soát (nếu có), Thành viên Ban Kiểm soát khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Trưởng Ban Kiểm soát (nếu có), Thành viên Ban Kiểm soát mới được bầu.
- 16.2. Đối với các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Quy chế này dẫn đến việc Ban Kiểm soát không đủ số lượng người để hoạt động theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ NCB, trong thời hạn tối đa 90 ngày, Ngân hàng phải bầu bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát.
- 16.3. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát xin từ nhiệm, Ban Kiểm soát tổ chức họp để bầu ra Trưởng Ban Kiểm soát mới trong thời hạn tối đa năm (05) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát nộp đơn.
- 16.4. Trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát xin thôi đảm nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát mà vẫn làm thành viên Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban Kiểm soát để bầu một thành viên khác làm Trưởng Ban Kiểm soát trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày kể từ ngày Trưởng Ban Kiểm soát nộp đơn.
- 16.5. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm Thành viên Ban Kiểm soát thay thế và thủ tục thông báo về người được bầu, bổ nhiệm thay thế thực hiện theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng Nhà nước.

Điều 17. Đình chỉ, tạm đình chỉ Thành viên Ban Kiểm soát

- 17.1 Ngân hàng nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên khác của Ban Kiểm soát trong trường hợp sau:
- Vi phạm quy định tại Điều 13 Quy chế này.
 - Vi phạm quy định về trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng nhà nước. Vi phạm việc thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và NCB; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được giao.
 - Vi phạm quy định khác của Pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 11 Quy chế này và quy định của pháp luật; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.
- 17.2 Trường hợp NCB bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt có

quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát, Thành viên khác của Ban Kiểm soát NCB nếu xét thấy cần thiết.

- 17.3 Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 17.1 và khoản 17.2 Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng nhà nước, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của NCB hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt.

Điều 18. Cung cấp, công bố công khai thông tin

18.1 Thành viên Ban Kiểm soát phải cung cấp cho NCB các thông tin sau đây:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);
- c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
- d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

18.2 Thành viên Ban Kiểm soát phải gửi tới NCB bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

18.3 Thành viên Ban Kiểm soát phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban kiểm soát

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

19.1 Trên cơ sở tổng thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, Ban kiểm soát dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí.

19.2 Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;



- 19.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của NCB theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của NCB.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Chế độ báo cáo của Ban Kiểm soát

- 20.1 Từng thành viên Ban Kiểm soát phải báo cáo với với Trưởng ban về tiến độ, kết quả thực hiện chương trình kiểm soát, các vụ việc đột xuất được Trưởng ban giao. Báo cáo thành viên Ban Kiểm soát phải nêu rõ những vấn đề đã được kiểm tra xác định cùng với nhận xét, đánh giá và kiến nghị của mình; những thông tin ghi nhận từ các nguồn thông tin về vi phạm pháp luật, Điều lệ NCB và có ý kiến đề xuất với Trưởng Ban Kiểm soát hướng xử lý.
- 20.2 Tất cả các báo cáo, kết luận và các kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi ban hành đều phải được Ban Kiểm soát lấy ý kiến từng thành viên; bàn bạc và thống nhất, tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị (trong trường hợp cần thiết).
- 20.3 Thành viên Ban Kiểm soát có thể trực tiếp thông báo với Hội đồng Quản trị và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông những vấn đề phát hiện qua việc tiến hành kiểm soát nhưng chưa nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát hoặc các ý kiến bảo lưu của thành viên Ban Kiểm soát mà bản thân thành viên Ban Kiểm soát thấy là cần thiết và phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về nội dung báo cáo của mình.

Điều 21. Cuộc họp của Ban Kiểm soát

- 21.1 Cuộc họp Ban Kiểm soát đầu tiên của nhiệm kỳ Ban Kiểm soát để bầu Trưởng Ban và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tổ chức trong vòng 07 (bảy) ngày sau ngày bầu cử Ban Kiểm soát đó. Người có trách nhiệm triệu tập cuộc họp đầu tiên của Ban Kiểm soát sẽ là những người theo thứ tự sau:
- (i) Thành viên Ban Kiểm soát có số phiếu bầu cao nhất;
 - (ii) Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ trước (nếu tái trúng cử) trong trường hợp có nhiều hơn một thành viên BKS có phiếu bầu cao nhất và bằng nhau;
 - (iii) Thành viên Ban Kiểm soát cao tuổi nhất;
 - (iv) Thành viên Ban Kiểm soát có thời gian giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát lâu nhất trong trường hợp có nhiều hơn một thành viên BKS có số tuổi cao nhất và bằng nhau;
 - (v) Thành viên có thời gian công tác tại NCB lâu nhất.
- 21.2 Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp Ban Kiểm soát do

Trưởng ban hoặc người tạm thời giữ chức Trưởng ban triệu tập và làm chủ tọa. Số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát.

21.3 Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của một trong các đối tượng sau đây:

- a) Trưởng Ban Kiểm soát;
- b) Khi có từ 2/3 thành viên yêu cầu triệu tập họp;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.


21.4 Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban Kiểm soát bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 21.3 Điều này, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường. Trường hợp, sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo Chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố nơi NCB đặt trụ sở chính và tiến hành họp Ban Kiểm soát để xử lý công việc, đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng ban, bầu một thành viên Ban Kiểm soát đảm bảo các điều kiện giữ chức danh Trưởng Ban, thông báo Ngân hàng nhà nước theo đúng quy định hiện hành, hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng Cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

21.5 Quyết định của Ban Kiểm soát được coi là có giá trị khi đa số thành viên có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận; trường hợp ý kiến ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban Kiểm soát uỷ quyền chủ tọa cuộc họp.

- a) Thành viên Ban Kiểm soát không thể dự họp thì có thể uỷ quyền bằng văn bản cho 01 thành viên Ban Kiểm soát khác thực hiện biểu quyết thay.
- b) Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan đến vấn đề đưa ra Ban Kiểm soát quyết định thì không được tham gia biểu quyết vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên có mặt, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của các thành viên khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
- c) Trường hợp lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để thông qua quyết định của Ban Kiểm soát về một vấn đề cũng phải đảm bảo điều kiện về số lượng thành viên biểu quyết và nguyên tắc đa số theo quy định như biểu quyết tại cuộc họp.

21.6 Mọi cuộc họp Ban Kiểm soát phải được ghi biên bản một cách đầy đủ, trung thực, chính xác (kể cả các ý kiến bảo lưu của Ban Kiểm soát, nếu có) và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban Kiểm soát dự họp. Các ý kiến thảo luận và kết luận liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ trong cuộc họp của Ban Kiểm soát bắt buộc phải được ghi nhận bằng văn bản

21.7 Địa điểm họp: Các cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ được tiến hành tại Trụ sở chính của NCB



hoặc địa điểm của Ban Kiểm soát nếu Ban Kiểm soát được đặt ngoài trụ sở chính của NCB hoặc một địa điểm khác theo yêu cầu công việc cần thiết.

21.8 Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 22. Trình tự tổ chức và tiến hành họp Ban Kiểm soát

22.1 Tất cả các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường đều phải có nội dung chuẩn bị trước. Trưởng Ban Kiểm soát căn cứ mục đích cuộc họp để phân công cho các thành viên Ban Kiểm soát, bộ phận trực thuộc Ban Kiểm soát chuẩn bị nội dung tài liệu cho cuộc họp.

22.2 Thông báo mời họp Ban Kiểm soát (trừ trường hợp bất thường) phải được gửi cho các thành viên Ban Kiểm soát tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày họp (thông báo có thể bằng văn bản/email/điện thoại hoặc/và các hình thức khác). Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát trong đó nêu rõ về: Chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát và cả các phiếu biểu quyết cho những thành viên Ban Kiểm soát (nếu thấy cần thiết). Trong trường hợp không thể dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản cho Ban Kiểm soát trước khi họp.

22.3 Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) thành viên Ban Kiểm soát trở lên trực tiếp tham dự hoặc qua người thay thế là một trong các thành viên Ban Kiểm soát được ủy quyền.

22.4 Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để Cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 23. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

23.1 Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban Kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay (trừ trường hợp phiên họp lần đầu tiên tổ chức theo quy định tại khoản 21.1 Điều 21).

23.2 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

23.3 Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát

và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban Kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban Kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

23.4 Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát được Trưởng Ban Kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt). Trường hợp quyết định của BKS trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho NCB thì các thành viên tán thành thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho NCB; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

23.5. Trường hợp Ban Kiểm soát lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban Kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến và số lượng thành viên Ban Kiểm soát có mặt tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

23.6. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của NCB;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Ban Kiểm soát;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến;
- e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về NCB;
- g) Họ và tên, chữ ký của Trưởng Ban Kiểm soát.
- h) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 24. Biên bản họp của Ban Kiểm soát

24.1 Nội dung cuộc họp Ban Kiểm soát phải được Thư ký cuộc họp ghi lại thành biên bản một cách đầy đủ, trung thực (kể cả ý kiến bảo lưu của Thành viên Ban Kiểm soát, nếu có) và phải có chữ ký của tất cả các Thành viên Ban Kiểm soát dự họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Thành viên Ban Kiểm soát.



- 24.2 Thư ký cuộc họp có trách nhiệm lập và gửi Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát cho các thành viên Ban Kiểm soát và Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.
- 24.3 Biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát phải được lưu giữ và bảo quản tại văn phòng Ban Kiểm soát.

Chương V.

QUYỀN ĐƯỢC CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Quyền được cung cấp thông tin

- 25.1 Ban Kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng Quản trị:
- Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị và các tài liệu kèm theo.
 - Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng Quản trị hoặc tài liệu khác do NCB phát hành.
 - Nghị quyết, Quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 25.2 Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của NCB theo yêu cầu của Ban Kiểm soát và phải bảo đảm rằng tất cả bản gốc hoặc/và sao chụp các thông tin trên phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho thành viên Hội đồng Quản trị.
- 25.3 Nếu một thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin hoặc tài liệu liên quan đến nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo cách thức phù hợp với nhiệm vụ kiểm soát (từ nguồn khác Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát), thành viên này phải báo cáo với Trưởng Ban Kiểm soát ngay khi có thể và Trưởng Ban Kiểm soát sẽ thông báo cho thành viên Ban Kiểm soát có liên quan.
- 25.4 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của NCB lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh, sở giao dịch và các địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên NCB làm việc.

Điều 26. Bảo mật thông tin

- 26.1 Các thành viên Ban Kiểm soát xử lý mọi thông tin và tài liệu có được trong phạm vi thẩm quyền là thành viên Ban Kiểm soát với sự cẩn trọng cần thiết và bảo mật trong trường

hợp thông tin được xếp loại mật theo quy định của NCB và Pháp luật.

- 26.2 Các thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ ra bên ngoài, công bố hoặc bằng cách khác cung cấp cho bên thứ ba các thông tin mật, các văn bản tài liệu NCB và các thông tin khác liên quan đến hoạt động của NCB, hoặc các thông tin mà NCB chưa công bố ra bên ngoài.
- 26.3 Việc bảo mật thông tin vẫn được thực hiện sau khi thành viên Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ.
- 26.4 Các thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ bảo mật thông tin theo Điều lệ NCB, Quy chế này và quy định có liên quan của pháp luật.

Điều 27. Các mối quan hệ của Ban Kiểm soát

- 27.1 Quan hệ với các cơ quan quản lý Nhà nước: Ban Kiểm soát thực hiện chế độ báo cáo cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định hiện hành.
- 27.2 Quan hệ với Tổ chức Kiểm toán độc lập:
- Kế hoạch kiểm toán độc lập phải được thông báo cho Ban kiểm soát ngay sau khi NCB đạt được thỏa thuận với tổ chức kiểm toán độc lập;
 - Các thành viên Ban kiểm soát không được tham gia trực tiếp vào việc lập báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của Ban kiểm soát là giám sát, kiểm tra quy trình và các bước thực hiện;
 - Ban kiểm soát có quyền tham gia vào quá trình xem xét, thỏa thuận giữa Người điều hành và tổ chức kiểm toán độc lập trong quá trình tiến hành kiểm toán, đưa ra các báo cáo kiểm toán, báo cáo quản trị cũng như các khuyến cáo của kiểm toán độc lập với NCB.
- 27.3 Quan hệ với các Cổ đông:
- Ban Kiểm soát thực hiện báo cáo Cổ đông kết quả giám sát hoạt động của NCB tại kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định tại Điều lệ NCB.
 - Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất khi nhận được yêu cầu từ Cổ đông lớn hoặc nhóm Cổ đông lớn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và gửi báo cáo theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ NCB.
- 27.4 Quan hệ với Hội đồng Quản trị:
- Ban Kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng Quản trị. Hội đồng quản trị thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ và thông báo cho Ban Kiểm soát về kết quả thực hiện kiến nghị
 - Trưởng Ban Kiểm soát tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
 - Hội đồng Quản trị có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, cung cấp

các tài liệu và thông tin theo Quy chế này, Điều lệ NCB, quy định quản trị nội bộ của NCB và các quy định khác có liên quan cho Ban Kiểm soát, tạo môi trường thuận lợi cho Ban Kiểm soát có điều kiện thực thi có hiệu quả nhiệm vụ của mình.

- d) Ban Kiểm soát thực hiện thẩm định các báo cáo Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên theo quy định tại Điều lệ NCB. Hội đồng Quản trị đảm bảo Ban Kiểm soát có đủ thông tin và thời gian cần thiết để thực hiện thẩm định các báo cáo này.
- e) Ban Kiểm soát tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị về các vấn đề được nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát trước khi gửi Đại hội đồng Cổ đông.

27.5 Quan hệ với Ban Điều hành và Người quản lý NCB:

- a) Ban Điều hành và các đơn vị trong hệ thống chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình nhằm đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ trong các hoạt động của NCB;
- b) Khi có yêu cầu của Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, lãnh đạo các đơn vị cung cấp tất cả các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát; đồng thời có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo bộ máy chuyên môn nghiệp vụ chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra;
- c) Ban Điều hành thực hiện báo cáo định kỳ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế này và các quy định có liên quan. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của NCB, người điều hành, người quản lý khác cần báo cáo ngay cho Trưởng Ban Kiểm soát và Thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp theo dõi lĩnh vực công việc đó;
- d) Ban Kiểm soát được quyền tham gia các phiên họp giao ban hàng tháng và họp giao ban bất thường của Ban Điều hành nếu xét thấy cần thiết;
- e) Tổng giám đốc tiếp nhận báo cáo nội bộ về kiểm toán nội bộ, tổ chức thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với Tổng giám đốc tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ (nếu có) và báo cáo Ban Kiểm soát kết quả thực hiện các kiến nghị.

27.6 Quan hệ với Trung tâm kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc cho Ban Kiểm soát

- a) Ban Kiểm soát có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động của Trung tâm kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc cho Ban Kiểm soát.
- b) Rà soát, kiểm tra, đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ; chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ.
- c) Đảm bảo công tác kiểm toán nội bộ có vị trí thích hợp trong NCB và không có các trở ngại bất hợp lý đối với hoạt động kiểm toán nội bộ.
- d) Chỉ đạo Trung tâm Kiểm toán nội bộ xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thương xuyên

hoàn thiện phương pháp, chính sách kiểm toán nội bộ trình Ban Kiểm soát phê duyệt.

- e) Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ; phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm theo đề nghị của Trưởng Kiểm toán nội bộ, đảm bảo kế hoạch kiểm toán nội bộ được định hướng theo rủi ro.
- f) Đảm bảo phối hợp có hiệu quả với kiểm toán độc lập và Thanh tra Ngân hàng nhà nước.
- g) Thực hiện báo cáo trực tiếp lên mọi cơ quan, mọi cấp trong NCB và ngoài tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật và quy định của NCB; Thực hiện gửi các báo cáo cho Ngân hàng nhà nước theo quy định.
- h) Các nội dung khác theo yêu cầu của BKS tùy từng thời kỳ

27.7 Quan hệ với các đơn vị trong hệ thống NCB:

- a) Các đơn vị trong hệ thống đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, hồ sơ phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, kiểm toán nội bộ theo yêu cầu của Ban Kiểm soát một cách trung thực, nhanh chóng, chính xác, không được che giấu thông tin.
- b) Lãnh đạo các đơn vị được kiểm tra, kiểm toán chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, trung thực, hợp pháp của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ban Kiểm soát và các đoàn kiểm tra, kiểm toán của Ban Kiểm soát; thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát đối với những vấn đề nêu trong báo cáo của Ban Kiểm soát; thực hiện cung cấp thông tin phản hồi cho Ban Kiểm soát về việc thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát theo quy định.
- c) Các đơn vị (các Khối/Trung tâm tại Hội sở chính, các Đơn vị kinh doanh của NCB) thực hiện cơ chế phối hợp hoạt động với Ban Kiểm soát theo quy định nội bộ của NCB.

Điều 28. Khen thưởng và kỷ luật:

28.1 Thành viên Ban Kiểm soát được khen thưởng và kỷ luật theo quy định về khen thưởng và kỷ luật của NCB.

28.2 Kỷ luật:

- a) Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát nếu có sai phạm, khuyết điểm không làm tròn nhiệm vụ, cố ý lợi dụng chức vụ, quyền hạn, có hành động vụ lợi cá nhân cố ý bao che hay đồng lõa xâm phạm lợi ích hợp pháp của NCB, của Cổ đông và của khách hàng, tiết lộ tài liệu gây thiệt hại cho NCB và khách hàng thì tùy theo mức độ phải xử lý, kỷ luật hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và của NCB;
- b) Người mua chuộc hoặc trả thù, người gây cản trở thực thi nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát thì tùy theo mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật hành chính hay truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và của NCB.

Handwritten marks: a checkmark, a horizontal line, and some scribbles.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực văn bản

- 29.1 Quy chế này được Đại hội đồng Cổ đông thông qua ngày 02/4/2026, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2026 và thay thế Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, mã số QC.BM.025 ngày 13/04/2024.
- 29.2 Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và quy định khác của NCB. Bất kỳ nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định của Pháp luật, Điều lệ NCB thì nội dung đó đương nhiên hết hiệu lực.
- 29.3 Trường hợp Quy chế này và quy định của Pháp luật cùng quy định về một vấn đề và nội dung của Quy chế này phù hợp với quy định của Pháp luật nhưng chi tiết hơn thì áp dụng theo Quy chế này. Trong Quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, thay thế của chúng.
- 29.5 Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban Kiểm soát đề xuất trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong hệ thống NCB có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Nơi nhận:

- HĐQT;
- Ban Điều hành
- Như Điều 30 (đề t/h)
- Lưu: VT, Ban Kiểm soát, Trung tâm KTNB;
- Đăng Intranet

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Đỗ Thị Đức Minh